

Số: /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

**Dự thảo ngày
16/6/2014-13h**

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra,

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện: Kiểm tra điều kiện nuôi, xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm; kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong chế biến sản phẩm cá Tra; xác nhận hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động nuôi, chế biến, xuất khẩu cá Tra trên lãnh thổ Việt Nam.

Chương II KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN, XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM

Điều 3. Kiểm tra điều kiện cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm

Kiểm tra, chứng nhận điều kiện cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm thực hiện theo Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

Điều 4. Xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm và cấp mã số nhận diện ao nuôi

1. Chậm nhất trước thời điểm thả giống 20 (hai mươi) ngày chủ cơ sở nuôi có trách nhiệm đăng ký diện tích và sản lượng nuôi cá Tra thương phẩm với Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh.

2. Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh xác nhận diện tích, sản lượng và cấp mã số ao nuôi khi ao nuôi nằm trong quy hoạch nuôi cá Tra được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

3. Trình tự, thủ tục:

a) Hồ sơ gồm:

Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm (*theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này*);

Sơ đồ vị trí ao nuôi trên thực địa (khi đăng ký lần đầu hoặc khi thay đổi diện tích).

b) Trình tự: Chủ cơ sở nuôi nộp 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về cơ quan Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh.

Đối với hồ sơ nộp trực tiếp trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc, đối với hồ sơ nộp qua đường bưu điện trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản hướng dẫn chủ cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản xác nhận Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm, trường hợp không xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Giấy xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm được Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản lưu 01 bản, trả cho cơ sở nuôi cá Tra 01 bản.

4. Quy định về cấp mã số nhận diện ao nuôi:

a) Mỗi ao nuôi được cấp duy nhất một mã số nhận diện;

b) Khi thay đổi diện tích ao nuôi thì được cấp mã số mới thay cho mã số cũ.

c) Mã số nhận diện ao nuôi:

Cấu trúc mã số nhận diện ao nuôi cá Tra thương phẩm gồm 09 số, cấu trúc như sau: **AA-BB-CCCC**, trong đó:

AA: Mã số tỉnh, thành phố trực trung ương áp dụng trong quản lý nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

BB: Mã số đối tượng nuôi (đối với cá Tra là 01).

CCCC: Số thứ tự ao nuôi cá Tra của tỉnh, được cấp theo thứ tự từ 00001 đến 99999.

Ví dụ: Mã số nhận diện ao nuôi cá Tra tại tỉnh Đồng Tháp được thể hiện như sau: **87-01-00008**

Trong đó: 87 là mã số tỉnh Đồng Tháp; 01 là mã số cá Tra; 00008 là số thứ tự ao nuôi.

Điều 5. Xử lý vi phạm trong đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm

1. Những hành vi sau đây được coi là gian lận trong đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm:

- a) kê khai không đúng vị trí ao nuôi;
- b) kê khai không đúng diện tích ao nuôi;
- c) giả mạo, tẩy xóa hoặc sử dụng giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm không đúng với ao nuôi đã đăng ký.

2. Trường hợp phát hiện có gian lận nêu tại khoản 1 Điều này, Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản đình chỉ hiệu lực Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm đã xác nhận và thông báo cho Hiệp hội cá Tra Việt Nam (*theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này*).

Chương III

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG CHẾ BIẾN CÁ TRA

Điều 6. Kiểm tra an toàn thực phẩm đối với sản phẩm cá Tra

1. Việc kiểm tra, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở chế biến cá Tra để tiêu thụ nội địa được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.

2. Việc kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm cá Tra xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.

Điều 7. Kiểm tra chất lượng, sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và ghi nhãn đối với sản phẩm cá Tra

1. Cơ quan kiểm tra:

a) Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản và các đơn vị do Cục giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thực hiện kiểm tra đối với cơ sở chế biến cá Tra xuất khẩu;

b) Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản tỉnh, thành phố thực hiện kiểm tra đối với cơ sở chế biến cá Tra chỉ tiêu thụ nội địa.

2. Nội dung kiểm tra:

- a) Kiểm tra xuất xứ cá Tra nguyên liệu đưa vào chế biến;
- b) Kiểm tra việc sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, ghi nhãn theo quy định của Việt Nam và nước nhập khẩu;
- c) Kiểm tra chất lượng sản phẩm cá Tra bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ sở công bố áp dụng;
- d) Lấy mẫu, kiểm nghiệm các chỉ tiêu hóa chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, tỷ lệ mỡ băng, hàm lượng nước.

3. Hình thức kiểm tra: Thực hiện theo hình thức Đoàn kiểm tra theo quy định tại Điều 48 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; do Thủ trưởng Cơ quan kiểm tra quyết định thành lập.

4. Phương pháp kiểm tra:

- a) Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và điều kiện thực tế liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm theo nội dung tại khoản 2 Điều này.
- b) Phương pháp xác định khối lượng tịnh, tỷ lệ mỡ băng: theo tiêu chuẩn Codex Stand 165-1989 (Rev.1-1995).
- c) Phương pháp xác định hàm lượng nước: Được xây dựng dựa trên các phương pháp Official Method NO 983.18 - Meat and meat products, Preparation of test sample procedure; Official Method NO 950.46 - Moisture in meat (Method A) của Hiệp hội các nhà hóa phân tích chính thống(AOAC); được công nhận hợp chuẩn theo tiêu chuẩn ISO 17025 và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định.

5. Tần suất kiểm tra:

- a) Kiểm tra giám sát: Áp dụng theo tần suất kiểm tra định kỳ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 về việc Quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu và Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.
- b) Kiểm tra đột xuất: Áp dụng đối với Cơ sở vi phạm về chất lượng quy định tại Điều 6 Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra (sau đây gọi là Nghị định số 36/2014/NĐ-CP) hoặc khi nước nhập khẩu có quy định đình chỉ nhập khẩu cá Tra từ Việt Nam nếu phát hiện nhiều lô hàng vi phạm.

6. Địa điểm kiểm tra: Tại khu vực chế biến, kho chứa, nơi sản phẩm được bảo quản của cơ sở.

7. Trình tự, thủ tục kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 8. Chi phí kiểm tra, lấy mẫu và kiểm nghiệm

1. Chi phí kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng (hàm lượng nước, tỷ lệ mạ băng) và ghi nhãn trong quá trình sản xuất sản phẩm cá Tra do Cơ quan kiểm tra chi trả. Chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên của Cơ quan kiểm tra.

2. Trường hợp Cơ quan kiểm tra kết luận Cơ sở vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 36/2014/NĐ-CP thì Cơ sở phải trả chi phí kiểm tra, lấy mẫu và kiểm nghiệm sản phẩm (bao gồm cả hoạt động thăm tra, lấy mẫu kiểm tra, kiểm nghiệm trong quá trình thăm tra báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa của cơ sở) cho Cơ quan kiểm tra theo đúng quy định tại Điều 41 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 9. Xử lý vi phạm về chất lượng và ghi nhãn sản phẩm cá Tra

1. Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính và báo cáo Cơ quan kiểm tra, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Cơ quan kiểm tra yêu cầu Cơ sở:

a) Đình chỉ xuất khẩu lô sản phẩm cá Tra vi phạm về hàm lượng nước, mạ băng và ghi nhãn sản phẩm;

b) Tiêu hủy hoặc chuyển mục đích sử dụng đối với sản phẩm cá Tra vi phạm các quy định về sử dụng hóa chất, chất phụ gia, chất hỗ trợ chế biến;

c) Thống kê, niêm phong các lô sản phẩm vi phạm, yêu cầu Cơ sở chế biến cá Tra thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa để bảo đảm chất lượng sản phẩm phù hợp trước khi đưa ra thị trường.

2. Việc xử lý vi phạm về chất lượng và ghi nhãn sản phẩm cá Tra được thực hiện theo Điều 30 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Trường hợp Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu thông báo tạm dừng nhập khẩu sản phẩm cá Tra do có vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm, Cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo đến Thương nhân và Cơ sở chế biến cá Tra vi phạm để có biện pháp khắc phục, sửa chữa và thông báo cho Hiệp hội cá Tra Việt Nam để có biện pháp xử lý theo quy định.

Chương IV

ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CÁ TRA

Điều 10. Xác nhận đăng ký hợp đồng xuất khẩu

1. Tổ chức thực hiện: Hiệp hội cá Tra Việt Nam.

2. Hình thức xác nhận: Trực tiếp trên giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

3. Hồ sơ gồm:

a) Giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra (02 bản)(theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao hợp pháp quy định tại các điểm b, c, d, đ, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 36/2014/NĐ-CP là bản sao chụp có đóng dấu của tổ chức, cá nhân đăng

ký hợp đồng xuất khẩu.

c) Bản sao chụp Giấy chứng nhận VietGAP hoặc chứng chỉ quốc tế phù hợp pháp luật Việt Nam có đóng dấu của tổ chức, cá nhân đăng ký hợp đồng xuất khẩu (áp dụng từ ngày 01/01/2016).

4. Cách thức nộp hồ sơ: Thương nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này trực tiếp, bản Fax hoặc qua đường bưu điện về Hiệp hội cá Tra Việt Nam.

5. Trường hợp có thay đổi thông tin hoặc hồ sơ kèm theo quy định tại mục 2, mục 3 Phụ lục 4 Thông tư này thương nhân có trách nhiệm đăng ký lại hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Điều 11. Xử lý vi phạm trong đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra

1. Những hành vi sau đây được coi là gian lận trong đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra:

a) kê khai không đúng thông tin tại điểm 2 trong mẫu giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra;

b) Giả mạo hoặc tẩy xóa một trong các hồ sơ kèm theo giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

2. Trường hợp phát hiện có gian lận nêu tại khoản 1 Điều này, Hiệp hội cá Tra Việt Nam đình chỉ hiệu lực giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra đã xác nhận và thông báo cho cơ quan hải quan (*theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này*).

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Tổng cục Thủy sản:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra thực hiện Thông tư này;

b) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch nuôi cá Tra;

c) Tổng hợp, lưu trữ cơ sở dữ liệu về mã số nhận diện ao nuôi, diện tích và sản lượng nuôi cá Tra thương phẩm;

d) Xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt các hoạt động hướng dẫn, kiểm tra và giám sát thực hiện Thông tư này.

2. Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản:

a) Tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong chế biến, xuất khẩu sản phẩm cá Tra theo quy định tại Thông tư này;

b) Xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt cho hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm cá Tra;

c) Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thủy sản và Hiệp hội cá Tra Việt Nam tổ chức thực hiện việc thống kê sản phẩm cá Tra được sản xuất trước ngày 20/6/2014 còn lưu kho của các cơ sở chế biến xuất khẩu.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết nuôi cá Tra tại địa phương;

b) Tổ chức, triển khai thực hiện Thông tư này trên địa bàn quản lý;

c) Xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các hoạt động hướng dẫn kiểm tra và giám sát thực hiện Thông tư này;

d) Phân công cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản tại địa phương chủ trì thực hiện việc tiếp nhận, xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm và cấp mã số nhận diện ao nuôi;

e) Cập nhật cơ sở dữ liệu diện tích, sản lượng cá Tra và mã số nhận diện ao nuôi, định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Tổng cục Thủy sản.

Điều 13. Trách nhiệm của Hiệp hội cá Tra Việt Nam

1. Tổ chức thực hiện xác nhận đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra theo quy định tại Thông tư này.

2. Thống kê, định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Tổng cục Thủy sản, Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản về tình hình đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ cơ sở

1. Chủ cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm:

a) Có trách nhiệm đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm theo quy định tại Thông tư này;

b) Cung cấp Giấy xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm cho tổ chức, cá nhân thu mua, chế biến sản phẩm cá Tra.

2. Cơ sở chế biến và thương nhân xuất khẩu sản phẩm cá Tra:

a) Có trách nhiệm thực hiện kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm cá Tra theo quy định tại Nghị định số 36/2014/NĐ-CP;

b) Phối hợp, tạo điều kiện, đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra của Đoàn kiểm tra, Cơ quan kiểm tra;

c) Chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm sản phẩm cho cơ quan kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

d) Trong trường hợp phải tiêu huỷ hàng hóa thì Cơ sở vi phạm phải chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu huỷ hàng hóa và chịu trách nhiệm về hậu quả của việc tiêu huỷ hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm hoạt động trước ngày 20/6/2014 nhưng đáp ứng các điều kiện nuôi cá Tra thì được tiếp tục hoạt động đến khi các tỉnh, thành phố hoàn thành rà soát, phê duyệt quy hoạch chi tiết nuôi cá Tra tại địa phương.

2. Từ ngày 20/6/2014 các cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm phải đăng ký diện tích và sản lượng nuôi cá Tra thương phẩm. Việc cấp mã số nhận diện ao nuôi được thực hiện khi các tỉnh, thành phố hoàn thành rà soát, phê duyệt quy hoạch chi tiết nuôi cá Tra tại địa phương.

3. Từ ngày 20/6/2014 đến ngày 31/12/2014 các thương nhân khi đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra hồ sơ chỉ bao gồm: Giấy chứng nhận cơ sở chế biến thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (bao gồm cả trường hợp thương nhân mua cá Tra thương phẩm hoặc gia công, chế biến cá Tra thương phẩm tại cơ sở chế biến khác); Hợp đồng mua cá Tra thương phẩm hoặc hợp đồng gia công, chế biến sản phẩm cá Tra với cơ sở chế biến cá Tra đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định số 36/2014/NĐ-CP (áp dụng với thương nhân không có cơ sở chế biến sản phẩm cá Tra). Từ ngày 01/01/2015 các thương nhân khi đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, xem xét./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan;
- UBND các tỉnh/tp trực thuộc TW;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/tp trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Bộ Tư pháp;
- Các Cục, Vụ, Thanh Tra, Văn phòng - Bộ NN&PTNT;
- Website Chính phủ, Công báo Chính phủ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Phụ lục 2

Quy định mã số tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương áp dụng trong quản lý nuôi trồng thủy sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày tháng năm
2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số	STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số
1	Thành phố Hà Nội	01	33	Tỉnh Quảng Nam	49
2	Tỉnh Hà Giang	02	34	Tỉnh Quảng Ngãi	51
3	Tỉnh Cao Bằng	04	35	Tỉnh Bình Định	52
4	Tỉnh Bắc Kạn	06	36	Tỉnh Phú Yên	54
5	Tỉnh Tuyên Quang	08	37	Tỉnh Khánh Hoà	56
6	Tỉnh Lào Cai	10	38	Tỉnh Ninh Thuận	58
7	Tỉnh Điện Biên	11	39	Tỉnh Bình Thuận	60
8	Tỉnh Lai Châu	12	40	Tỉnh Kon Tum	62
9	Tỉnh Sơn La	14	41	Tỉnh Gia Lai	64
10	Tỉnh Yên Bái	15	42	Tỉnh Đắk Lắk	66
11	Tỉnh Hoà Bình	17	43	Tỉnh Đắk Nông	67
12	Tỉnh Thái Nguyên	19	44	Tỉnh Lâm Đồng	68
13	Tỉnh Lạng Sơn	20	45	Tỉnh Bình Phước	70
14	Tỉnh Quảng Ninh	22	46	Tỉnh Tây Ninh	72
15	Tỉnh Bắc Giang	24	47	Tỉnh Bình Dương	74
16	Tỉnh Phú Thọ	25	48	Tỉnh Đồng Nai	75
17	Tỉnh Vĩnh Phúc	26	49	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	77
18	Tỉnh Bắc Ninh	27	50	TP. Hồ Chí Minh	79
19	Tỉnh Hải Dương	30	51	Tỉnh Long An	80
20	Thành phố Hải Phòng	31	52	Tỉnh Tiền Giang	82
21	Tỉnh Hưng Yên	33	53	Tỉnh Bến Tre	83
22	Tỉnh Thái Bình	34	54	Tỉnh Trà Vinh	84
23	Tỉnh Hà Nam	35	55	Tỉnh Vĩnh Long	86
24	Tỉnh Nam Định	36	56	Tỉnh Đồng Tháp	87
25	Tỉnh Ninh Bình	37	57	Tỉnh An Giang	89
26	Tỉnh Thanh Hoá	38	58	Tỉnh Kiên Giang	91
27	Tỉnh Nghệ An	40	59	Thành phố Cần Thơ	92
28	Tỉnh Hà Tĩnh	42	60	Tỉnh Hậu Giang	93
29	Tỉnh Quảng Bình	44	61	Tỉnh Sóc Trăng	94
30	Tỉnh Quảng Trị	45	62	Tỉnh Bạc Liêu	95
31	Tỉnh Thừa Thiên Huế	46	63	Tỉnh Cà Mau	96
32	Thành phố Đà Nẵng	48			

Phụ lục 3

Mẫu Thông báo đình chỉ hiệu lực Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày /.../2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN....
**TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

Số /.....

THÔNG BÁO ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC GIẤY ĐĂNG KÝ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM

Kính gửi:

- Chủ cơ sở nuôi;
- Hiệp hội cá Tra Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số...../2014/TT-BNNPTNT ngày...../.../.....của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

....(Tên cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản) thông báo Giấy xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm đã cấp số.... ngày...tháng... năm... cho cơ sở....., nay không còn hiệu lực áp dụng để đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Lý do đình chỉ hiệu lực Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm:

1. kê khai không đúng vị trí ao nuôi:
2. kê khai không đúng diện tích ao nuôi:
3. Giả mạo, tẩy xóa hoặc sử dụng giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm không đúng với ao nuôi đã đăng ký:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

Thủ trưởng cơ quan quản lý NTTS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 4

Mẫu Giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày /.../2014 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CÁ TRA

Kính gửi: Hiệp hội cá Tra Việt Nam

1. Tên thương nhân:.....

- Tên thương nhân bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Địa chỉ liên hệ:.....Số điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

- Tên/ Địa chỉ/ Mã số Cơ sở chế biến cá Tra:.....

Đăng ký hợp đồng xuất khẩu cá Tra theo quy định tại Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

2. Thông tin đăng ký hợp đồng xuất khẩu:

TT	Hợp đồng ⁶	Thị trường xuất khẩu	Loại sản phẩm ⁷	Khối lượng (tấn)	Thời gian thực hiện hợp đồng
1					
2					
...					

3. Hồ sơ kèm theo gồm⁸:

a) Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm:

b) Hợp đồng mua cá Tra nguyên liệu:

c) Giấy chứng nhận VietGAP hoặc chứng chỉ quốc tế phù hợp:

d) Giấy chứng nhận cơ sở chế biến thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

đ) Hợp đồng mua cá Tra thương phẩm hoặc hợp đồng gia công, chế biến

sản phẩm cá Tra với cơ sở chế biến cá Tra:

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai nêu trên và tính hợp pháp, chính xác của các hồ sơ kèm theo.

.....ngày..... tháng...năm....

Xác nhận của Hiệp hội cá Tra Việt Nam

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

..., ngày... tháng... năm 20...

Đại diện hợp pháp của thương nhân

đăng ký hợp đồng xuất khẩu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Vào sổ số⁹:.....

⁶Ghi rõ số, ký hiệu hợp đồng.

⁷ Ghi rõ loại sản phẩm: phi lê, cắt khúc, nguyên con,.....

⁸Có thành phần hồ sơ nào thì tích vào ô vuông bên phải

⁹ Do Hiệp hội Cá Tra Việt Nam ghi để theo dõi, quản lý.

Phụ lục 5
Mẫu Thông báo đình chỉ hiệu lực
Giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2014/TT-BNNPTNT ngày /.../2014 của Bộ
trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

HIỆP HỘI CÁ TRA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC
GIẤY ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CÁ TRA

Kính gửi:

- Thương nhân....;
- Cơ quan Hải quan.....

Căn cứ Thông tư số...../2014/TT-BNNPTNT ngày...../...../.....của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Hiệp hội cá Tra Việt Nam thông báo Giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra đã cấp số.... ngày...tháng... năm... cho thương nhân....., nay không còn hiệu lực áp dụng để làm thủ tục xuất khẩu.

Lý do đình chỉ hiệu lực Giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra:

1. Kê khai không đúng thông tin tại điểm 2 trong mẫu giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu:
2. Giả mạo hoặc tẩy xóa một trong các hồ sơ kèm theo giấy đăng ký hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLCL NLS&TS (để p/h);
- Lưu: VT.

....., ngày.....tháng.....năm.....

HIỆP HỘI CÁ TRA VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)